

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: **71/2018/DS-ST**
Ngày 07 - 6 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Ninh Quang Thế** .

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông(Bà) **Hà Trọng Tâm** .

Ông(Bà) **Bùi Đức Thắng** .

- Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thuý Kiều** – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng (BIDV); Trụ sở: Số 35, Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Tô Thanh Liêm - Phó phòng Quản lý rủi ro – Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo giấy ủy quyền số 477/GUQ-BIDV.CM ngày 16/5/2018 (*Có mặt*).

- Bị đơn: Ông Trần C H – sinh năm: 1967; Địa chỉ: Ấp B B, xã H T, Tp.M, tỉnh Cà Mau (*Có mặt*).

Bà Trần T X – sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp B B, xã Hoà Tân, Tp.M, tỉnh Cà Mau (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Liêm trình bày: Ngày 14/12/2015, ông H và bà X ký hợp đồng tín dụng số 561/2015/7480566/HĐTD vay của Ngân Hàng BIDV chi nhánh Cà Mau số tiền 250.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 11%/năm được điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, ông H bà X rút vốn cùng ngày ký hợp đồng vay.

Ngày 15/11/2016 ông H bà X tiếp tục ký hợp đồng thứ hai số

365/2016/7480566/HĐTD vay số tiền 300.000.000đ, thời gian vay 11 tháng, lãi suất 8%/năm trong thời hạn 5 tháng kể từ khi vay, sau đó được điều chỉnh theo quy định của BIDV, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, ông H bà X rút vốn ngày 17/11/2016.

Ông H bà X dùng tài sản là quyền SDD và sở hữu nhà theo giấy chứng nhận số A 342259 do UBND Thị xã M nay là Tp.M cấp đã thay đổi sang tên cho ông ông H bà X ngày 26/12/2014 với diện tích 3.050m², tờ bản đồ số 01, thửa số 03 tọa lạc tại xã H T, Tp.M, thế chấp cho Ngân hàng đảm bảo cho hai hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp số 408/2015/7480566/HĐBĐ ngày 18/11/2015. Sau khi vay ông H bà X đã thanh toán được một phần vốn cho hợp đồng số 561/2015, còn hợp đồng số 365/2016 chưa thanh toán. Tính đến nay đối với hợp đồng số 561/2015/7480566/HĐTD ông H bà X còn nợ 204.174.000đ vốn và 39.197.679đ lãi, tổng số là 243.371.679đ, hợp đồng số 365/2016/7480566/HĐTD nợ 300.000.000đ vốn và 54.483.333đ lãi, tổng số là 354.483.333đ. Tổng nợ của hai hợp đồng là 597.855.012đ, BIDV yêu cầu ông H bà X thanh toán cho BIDV số tiền nêu trên và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho BIDV.

- Ông H đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, quá trình chuẩn bị xét xử ông vắng mặt không lý do và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của BIDV. Tại phiên tòa ông có mặt và thừa nhận toàn bộ việc vay tiền của Ngân hàng BIDV hai lần, có thế chấp tài sản, số tiền đã thanh toán, số tiền vốn còn nợ lại, số tiền lãi chậm thanh toán, tổng số tiền nợ đến nay của hai hợp đồng tín dụng như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng, ông đồng ý thanh toán số tiền nợ như BIDV yêu cầu, tuy nhiên cần cho ông thời gian để thanh toán.

- Bà X đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà vắng mặt và không ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông H bà X khi vay tiền ký kết hợp đồng với tư cách cá nhân nên đây là quan hệ dân sự, theo quy định tại điều 35,39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án sẽ căn cứ vào bộ luật dân sự để giải quyết vụ án.

[2] Đối với bà X vắng mặt tại phiên tòa, để đưa vụ án ra xét xử hôm nay Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà X vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của bà được xem là cố tình vắng mặt, căn cứ vào điều 227,228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà là phù hợp, Tòa án sẽ căn cứ vào các chứng cứ mà BIDV và ông H cung cấp để xét xử vụ án.

[3] Theo hồ sơ vay vốn mà BIDV cung cấp, chữ ký chữ viết của ông H bà X được thể hiện trên hai hợp đồng tín dụng, trên biên bản thẩm định tài sản, các kế ước nhận nợ, trên hợp đồng thế chấp có chứng thực của cơ quan Công chứng, các biên bản làm việc giữa cán bộ BIDV với ông H bà X, tại phiên tòa ông H thừa nhận chữ ký chữ viết của vợ chồng ông trên các văn bản nêu trên, và thừa nhận số nợ vợ chồng ông còn thiếu như đại diện BIDV trình bày, các chứng cứ này đủ cơ

sở chứng minh ông H bà X đã ký hai hợp đồng tín dụng số 561/2015/7480566/HĐTD ngày 14/12/2015 và số 365/2016/7480566/HĐTD ngày 15/11/2016 để vay tiền của BIDV.

Về số tiền vay, số tiền ông H bà X đã thanh toán, số tiền nợ còn lại: Tại phiên toà đại diện BIDV xác định tính đến hôm nay ông H bà X còn nợ cụ thể đối với hợp đồng số 561/2015 nợ 204.174.000đ vốn và 39.197.679đ lãi, tổng số là 243.371.679đ, hợp đồng số 365/2016/7480566/HĐTD nợ 300.000.000đ vốn và 54.483.333đ lãi, tổng số 354.483.333đ, tổng nợ của hai hợp đồng là 597.855.012đ, ông H thừa nhận số nợ mà BIDV đã tính, nên Toà án chấp nhận số nợ mà hai bên thừa nhận làm căn cứ thanh toán hợp đồng. Theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên phía ông H bà X đều vi phạm nghĩa vụ và thời gian thanh toán nợ nên yêu cầu của BIDV buộc ông H bà X thanh toán nợ là phù hợp.

[4] Về thời gian và phương thức thanh toán: Tại phiên toà ông H yêu cầu đối với hợp đồng 561/2015 ông sẽ thanh toán vào ngày 7/8/2018, hợp đồng số 365/2016 thanh toán vào ngày 7/9/2018. Yêu cầu của ông H được anh Liêm đại diện BIDV đồng ý nên Toà án ghi nhận phương thức và thời hạn thanh toán mà các bên đặt ra, tuy nhiên do bà X vắng mặt nên Toà án quyết định thanh toán theo thoả thuận này.

[5] Đối với tài sản thế chấp: Cả hai hợp đồng tín dụng ông H bà X đều dùng tài sản là nhà và đất của mình để làm tài sản đảm bảo, việc thế chấp được lập thành văn bản có công chứng chứng thực và được đăng ký giao dịch đảm bảo nên việc thế chấp này là phù hợp với quy định tại điều 317, 318, 319 BLDS nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của BIDV được xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí ông H bà X phải nộp theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 295, 296, 298, 299, 317, 318, 319 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân Hàng BIDV Chi nhánh Cà Mau: Buộc ông Trần C H và bà Trần T X thanh toán cho BIDV số tiền theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 07/6/2018 cụ thể như sau:

- Hợp đồng 561/2015/7480566/HĐTD ngày 14/12/2015, thanh toán 204.174.000đ vốn và 39.197.679đ lãi, tổng số 243.371.679đ vào ngày 07/8/2018.

- Hợp đồng số 365/2016/7480566/HĐTD ngày 15/11/2016, thanh toán 300.000.000đ vốn và 54.483.333đ lãi, tổng số 354.483.333đ vào ngày 07/9/2018.

Tổng cộng hai hợp đồng ông H bà X phải thanh toán cho BIDV là: 597.855.012đ.

Và khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận ghi trong các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 07/6/2018 cho đến khi thi hành xong.

2. Nếu ông H bà X không thanh toán hoặc thanh toán không đủ hoặc không đúng hạn khoản nợ trên, thì BIDV có quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 3.050m² đất thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại xã H T, Tp.M, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận QSDĐ số A 342259 do UBND Thị Xã M cấp và Văn phòng đăng ký QSDĐ ghi nhận lại cho ông H bà X ngày 26/12/2014, và nhà ở trên đất theo hiện hữu theo hợp đồng thế chấp số 408/2015/7480566/HĐBĐ ngày 18/11/2015 được đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày 18/11/2015. Ông H bà X có nghĩa vụ giao tài sản đảm bảo cho BIDV xử lý; Hoặc BIDV yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành các thủ tục phát mãi tài sản thế chấp này để thu hồi nợ cho BIDV.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm ông H bà X phải nộp 27.914.200đ; BIDV được hoàn lại 13.400.000đ dự nộp ngày 02/3/2018 tại biên lai số 0411 - Khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà X kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự theo **Điều 269 của BLTTDS**;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Ninh Quang Thế